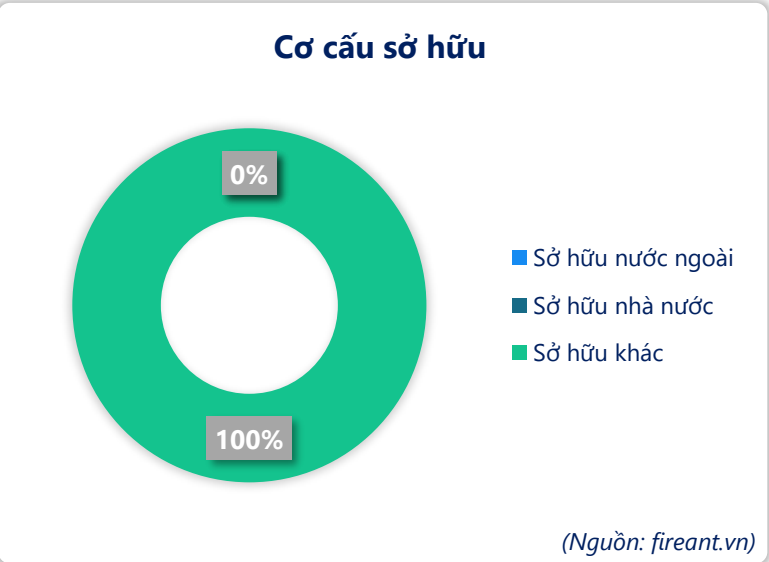
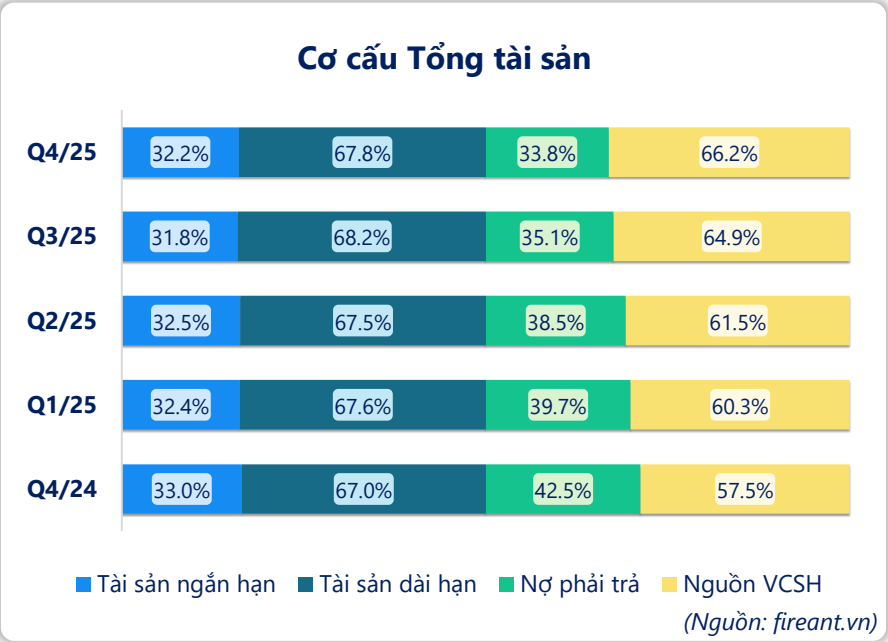
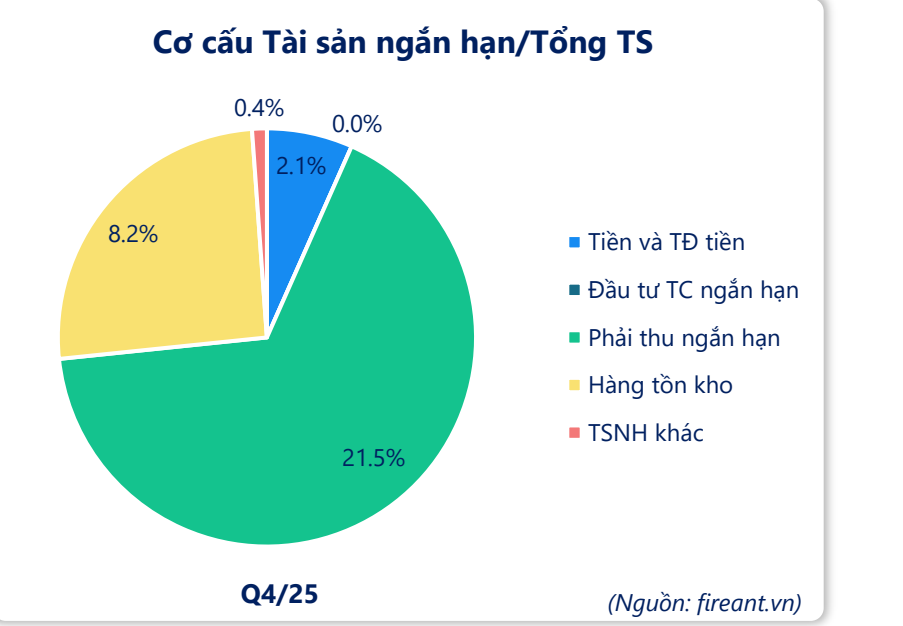
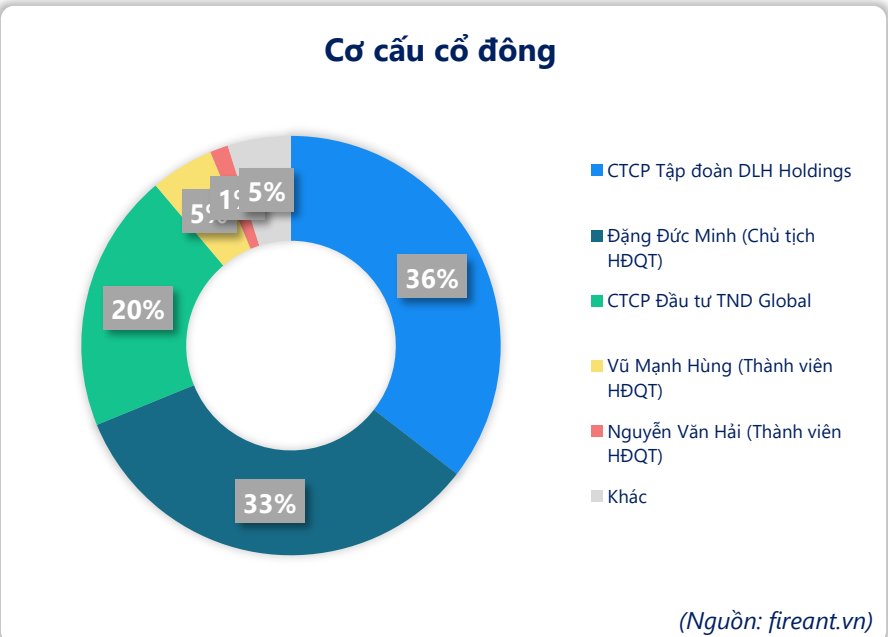
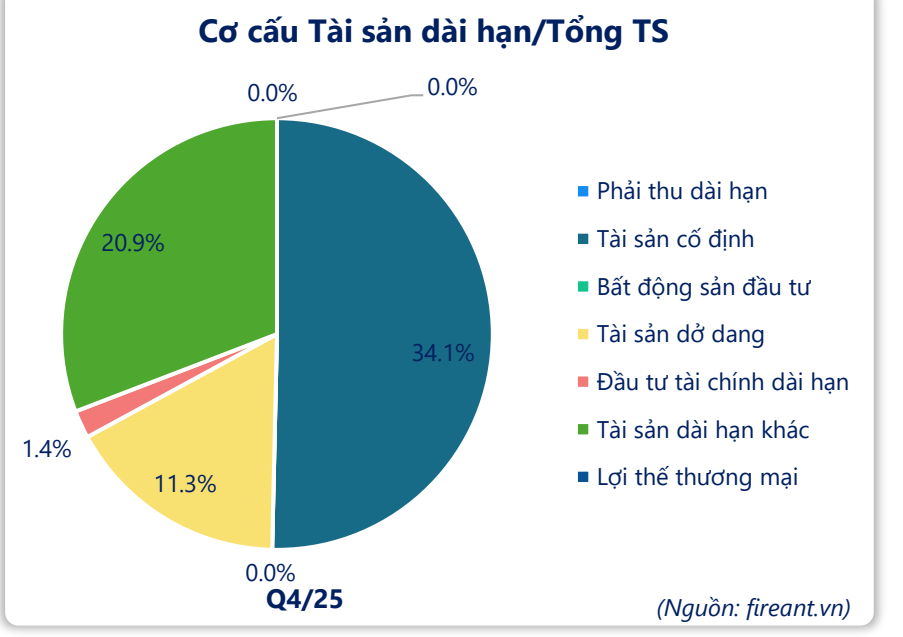
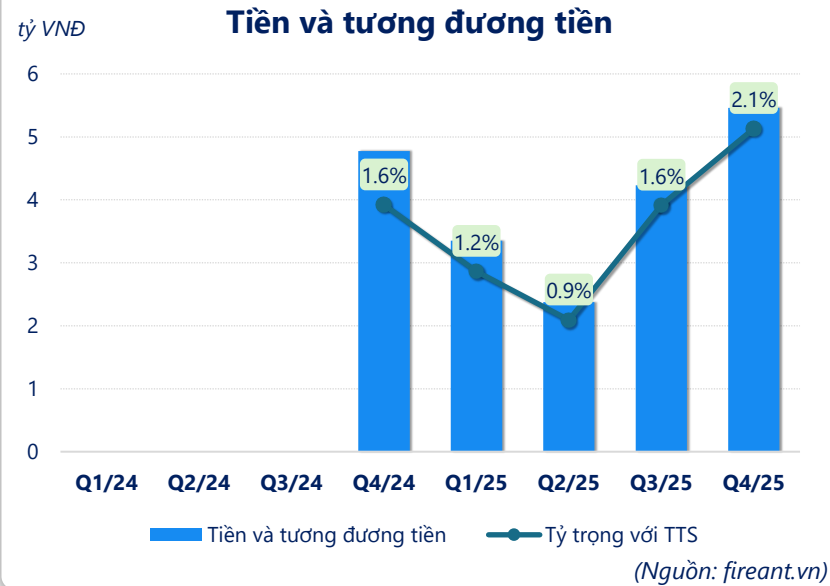
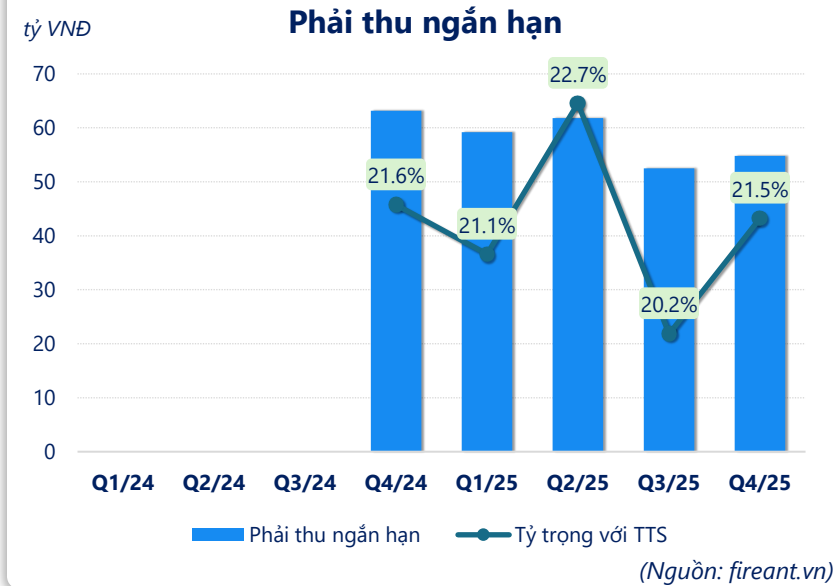
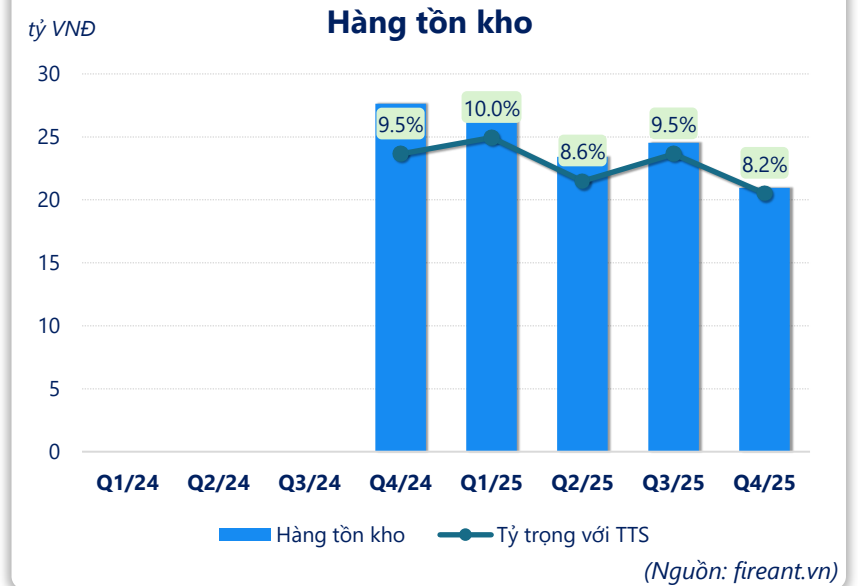
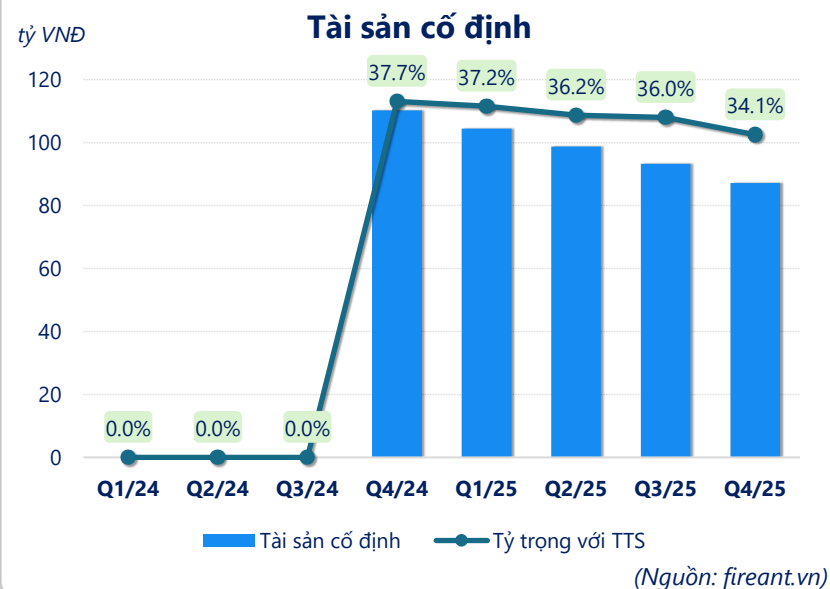
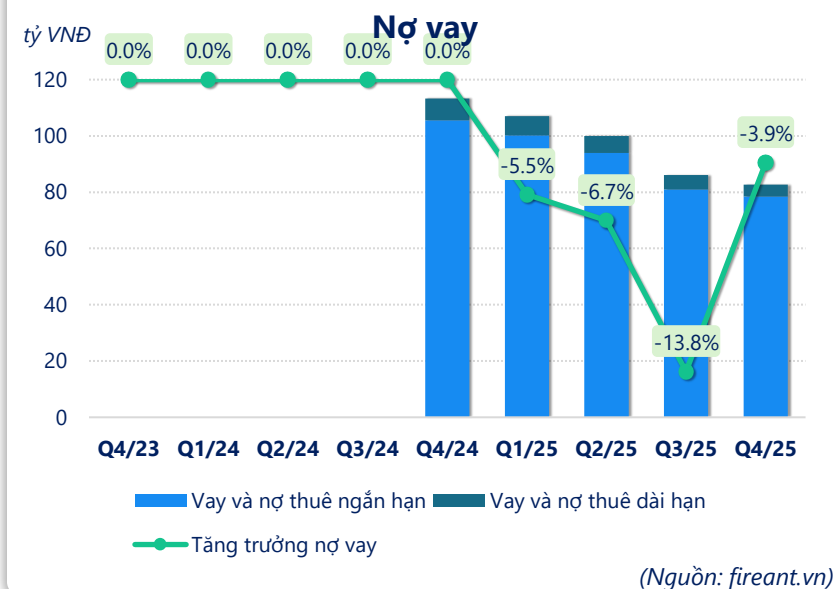
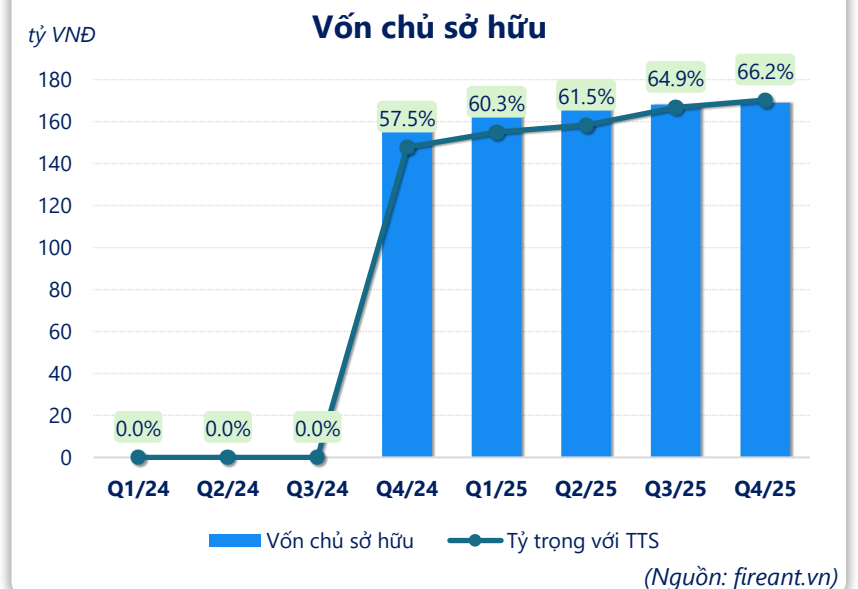
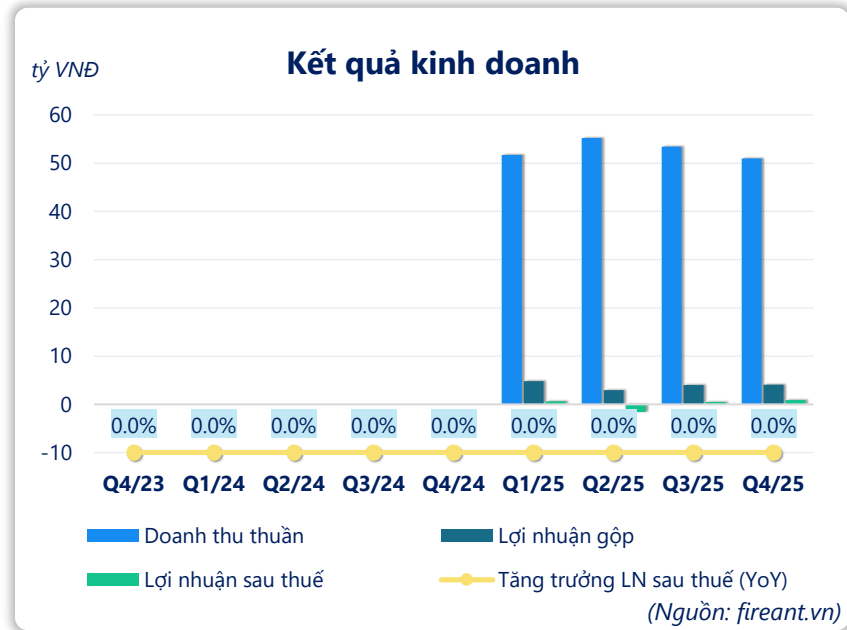
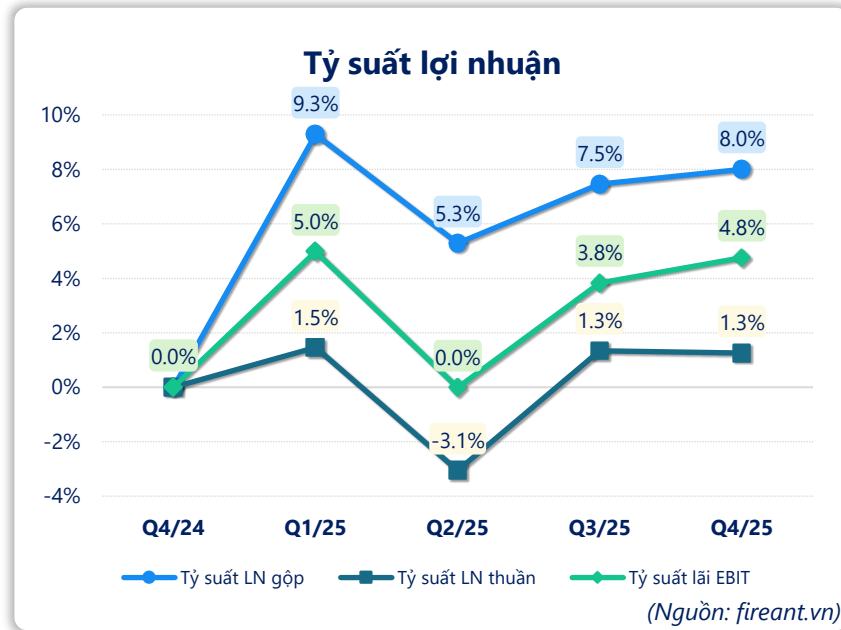
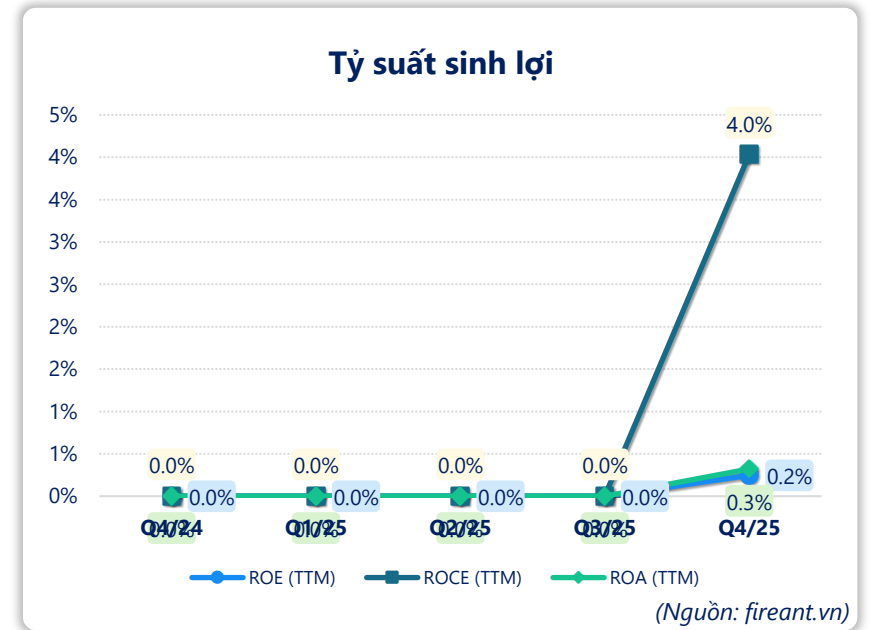
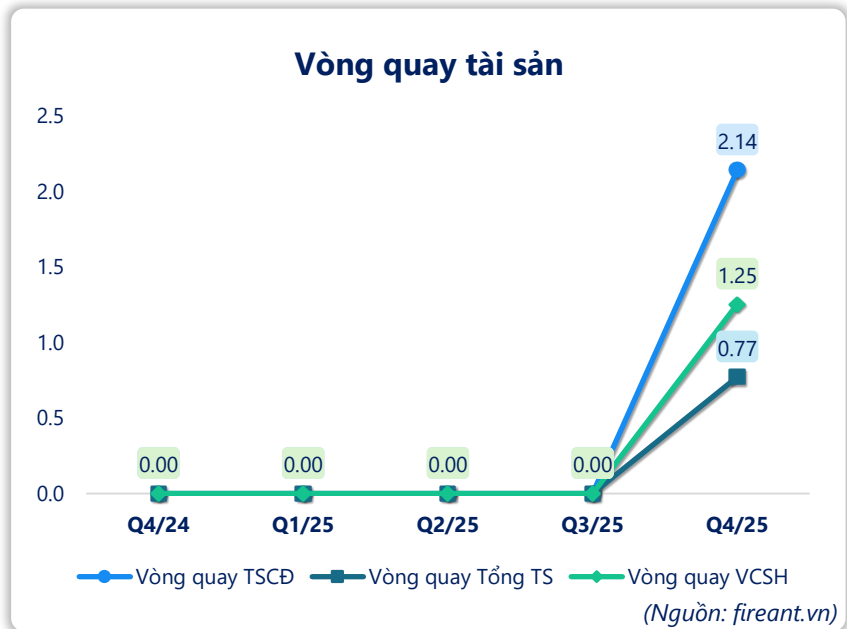
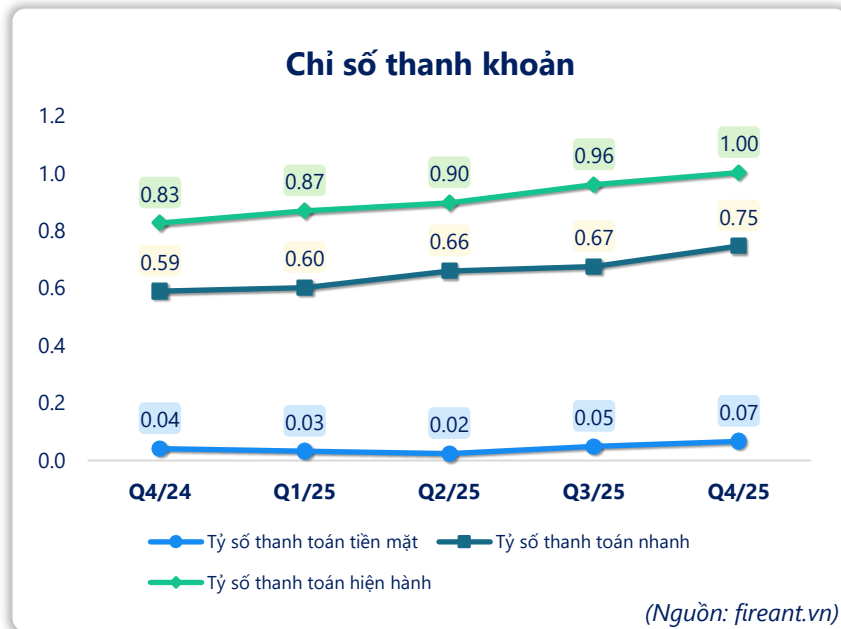
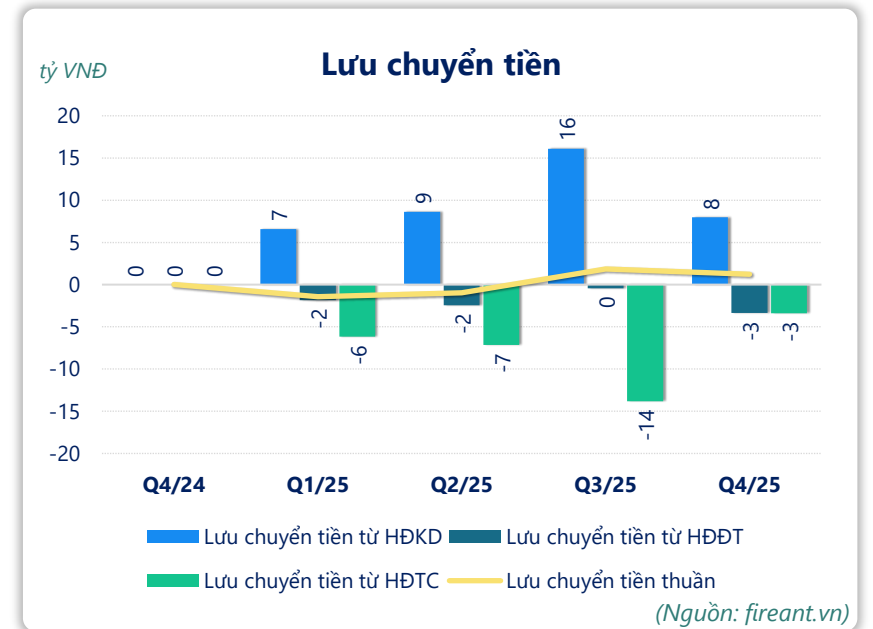


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		8,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		12,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		5,900
SL cổ phiếu LH		14,575,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		110
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		125
P/E		302.4
EPS		28

	YTD	1T	3T	6T
DKG		-6.5%	-11.3%	-6.5%
VNINDEX		8.4%	8.8%	6.2%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	255	292	-12.6%
Tài sản ngắn hạn	82.2	95.9	-14.4%
Tiền và tương đương tiền	5.46	4.77	14.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	54.8	62.2	-11.8%
Hàng tồn kho	20.9	28.2	-25.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.94	0.77	21.2%
Tài sản dài hạn	173	196	-11.7%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	87.2	110	-20.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	29.0	26.2	10.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	3.60	0	
Tài sản dài hạn khác	53.4	59.6	-10.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	86.2	123	-30.1%
Nợ ngắn hạn	82.0	116	-29.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	78.4	106	-25.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.21	3.47	-65.0%
Nợ dài hạn	4.27	7.67	-44.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	4.27	7.67	-44.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	169	169	0.2%
Vốn chủ sở hữu	169	169	0.2%
Vốn điều lệ	144	144	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần		51.7	55.2	53.4	51.0
Giá vốn hàng bán		46.9	52.3	49.4	46.9
Lợi nhuận gộp		4.80	2.92	3.99	4.08
Doanh thu HĐTC		0.01	0.02	0.00	0.00
Chi phí TC		1.83	1.69	1.56	1.41
Chi phí lãi vay		1.83	1.69	1.56	1.41
LN trong công ty LKLD		0	0	0	0
Chi phí bán hàng		0.43	0.35	0.32	0.26
Chi phí QLDN		1.79	2.59	1.39	1.77
LN thuần từ HĐKD		0.76	-1.69	0.72	0.64
Lợi nhuận khác		-0.01	-0.01	-0.23	0.38
LN trước thuế		0.74	-1.69	0.49	1.02
Lợi nhuận sau thuế		0.59	-1.54	0.49	0.88
LNST của CĐ cty mẹ		0.59	-1.54	0.49	0.88

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	6.59	8.62	16.1	7.96
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	-1.85	-2.46	-0.43	-3.34
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-6.17	-7.15	-13.8	-3.39
Tiền đầu kỳ	0	4.77	3.35	2.37	4.23
Lưu chuyển tiền thuần	0	-1.43	-0.98	1.85	1.23
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.01	0.01	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	0	3.35	2.37	4.23	5.46

(Nguồn: fireant.vn)